



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV# _____

WEWL# _____

I-171 _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA # _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM PHAN THUAN
Last Middle First

Current Address: 214 Ly Tu Trong - Q 4 - Thanh pho Ho Chi Minh

Date of Birth: 01-10-1939 Place of Birth: Cuu Long

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05-06-75 To 06-14-1985
Years: 10 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>TRAN - VAN NHO</u>	_____
<u>ROMONA CA 91766</u>	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Hàm tan

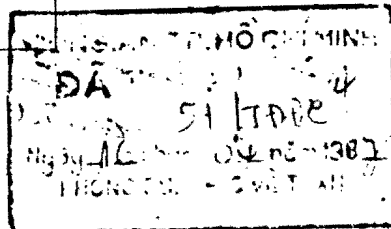
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số GRT

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI



Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 128 ngày 04 tháng 05 năm 85

của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh PHAN THUAN

Sinh năm 19 39

Các tên gọi khác

Nơi sinh Vĩnh long

Nơi đăng ký, nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt Lương phú - Bến tranh - Mỹ Tho tiền giang

Cán bộ Thiếu tá, trưởng phòng 3BDQ.

Bị bắt ngày 06/05/75

Án phạt TETT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại Lương phú - Bến tranh - Mỹ tho-Tiền Giang

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : Xác định được vị trí học tập cải tạo , tinh thần vào đường lối chính sách của cách mạng .

Lao động : Tham gia đủ ngày công năng xuất chất lượng khá
Nơi quy : Chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn .

Học tập : Tham gia học tập đều nhận hức chuyển biến khá .
(quản chế 12 Tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Nơi cư trú

Trước ngày tháng năm 19

Lần này phải trình diện

Của

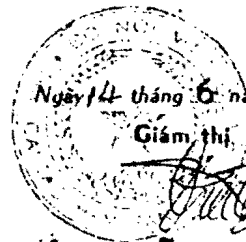
Danh bản

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Phan Thuận

Phan Thuận



THIẾU TÁ: NGUYỄN ANH QUANG

Political Prisoner Registration form.

- Applicant in Vietnam: Phan Chuân
- Current address: 214 Lý Tự Trọng - Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh.
- Date of birth: 10-1-1939
- Place of birth: Thiên Mỹ, Trà Ôn, Vĩnh Long
tỉnh Cửu Long.
- Previous occupation (before 1975)
SN: 59/137325
Major, chief of S3 - C3 Headquarters
VN Special Forces / Airborne - Ranger
III CORDS - MR III.
- Time spent in re-education camp:
Date: from 6-5-1975
to 14-6-1985
- Name of principal applicant:

1. Phan Chuân 10-1-1939
2. Nguyễn Ngọc Trâm 2-9-1950 (E spouse)
3. Phan Ngọc Thảo 14-12-1970 (Daughter)
4. Phan Thành 15-2-1972 (son)

Kính gửi

Bà Khúc Minh Chlo
Chủ tịch hội gia đình tù nhân
chiến tử Việt Nam.

PO Box 5435 Arlington

VA 22205-0635

Telephone

Kính mong Bà can thiệp giúp đỡ
cho gia đình tôi được xuất cảnh
theo chương trình HO.

Trân trọng kính mang ơn Bà.

Phan - Thuận.



Sài Gòn 15-5-1990

Questionnaires for ODP applicants.

A. Basic identification data:

name: Phan Gluân.

Date/Place of birth: 10-1-1939 xã Thiên Mỹ
quận Trầu - Vĩnh Long - tỉnh Cửu Long.

Residence address: 214 Lý Tự Trọng - Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh.

Mailing address: 214 Lý Tự Trọng Quận 1 - TP HCM.

B. Relatives to accompany with me:

1. Phan Gluân. 10-1-1939 Vĩnh Long - Masculin.
2. Nguyễn Ngọc Trâm 2-9-1950 Biên Hòa - Feminine (Eponx)
3. Phan Ngọc Thảo 14-12-1970 Biên Hòa - Feminine (Daughter)
4. Phan Thành 15-2-1972 Biên Hòa - Masc. (Son)

C. Relatives outside Vietnam: Chiêu, Văn Đăng (uncle)
Elgers street - Cerritos ca 9070 USA.

D. Complete family listing: (4 men)

E. Employment by US Government Agencies:

name: Nguyễn Ngọc Trâm (Eponx)

date: 1969 - 1971

Title of last position held: 1969: Post-office US Air Base
1970: office Machine Operator - Psychological Operations
Division III CORDS MR3 / Biên Hòa (VGS 3/2)

name of supervisor: Elizabeth A. Keller. 17-1-1970
Richard TOM.

F. Service with GVN or RUMAF by you:

Phan Gluân. SN: 59/137325

date: from 27-11-1963 to: 30-4-1975

- last rank: Major, chief of S3 - c3 Headquarter's
- military unit: Vietnamese Special Forces / Airborne Ranger III CORDS CTZ III: Páinhôn
- name of supervisor:
 - Colonel Hayes, Col Campbell - Major Mathis.
 - CO Company A - 5th Special Forces Group
 - Airborne - USASF.
- US Training Course in VN: Reconno. Team at Nha Trang - Cam Ranh Bay
- US award or certificate:
 - US Recommendation medal 1971 for Service

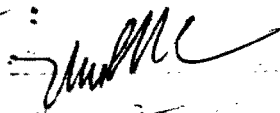
G. Training outside of VN of you:

- name: Phan Văn
- school: Jungle Warfare School at Johore Bahru
- Course: 30th (June 1966) - Malaysia.

H. Re education of you:

- name: Phan Văn
- total time in re education: 10 years, 10 days.
- released certificate:
 - on 14-6-1985

Signature:



Date: 15-5-1990

Đức gọi Cậu Mợ Tán

Vài hàng cháu Kính lời thăm Cậu Mợ và em Thanh đờn đôi dào nức khỏe.

Cháu nhớ Cậu gọi điện thờ cho Bà Thờ / chú tía hội bên Mỹ nhớ can thiệp vào lên danh sách dùm.

Và khi nào rảnh chừng 1 tháng sau: thì cháu nhớ cậu gọi telephone theo số ghi đề hội Bà Khúc mình Thờ coi kết quả ra sao? Vì cháu khg có thân nhân bên Mỹ bao lãnh; cũng như ở VN không có tiền để lo lót như Dịch Vụ Xuất cảnh gì hết.

thì bên Mỹ nhớ cậu giúp dùm.

Thân. thật cảm ơn Cậu Mợ

Phan. Bluman

214 Ly' tể Trung Quận 1

TPHCM.

Bà chú Bà Khúc minh Thọ
chủ tịch hội gia đình tù nhân
chính trị Vietnam .

PO BOX 5435 Arlington

VA 22205-0635

Telephone 1

KHAI SANH

Số hiệu 1024



Tên, họ ấu nhi:	NGUYỄN-NGỌC-TRÂM
Phối:	NỮ
Sinh:	2 tháng chín dương lịch 1950
(Ngày, tháng, năm)	Bình-Trước (Biên-Hòa)
Tại:	
Cha:	Nguyễn-văn-Bình
(Tên họ)	
Tuổi:	/
Nghề-nghiệp:	Giám-thị Dưỡng-Trí-Đường Biên-Hòa
Cư-trú tại:	Bình-Trước (Biên-Hòa)
Mẹ:	Đào-Kiên-Thu
(Tên họ)	
Tuổi:	/
Nghề-nghiệp:	Làm việc nhà
Cư-trú tại:	Bình-Trước (Biên-Hòa)
Vợ:	Vợ chánh
Người khai:	Nguyễn-văn-Bình
(Tên, họ)	
Tuổi:	24 tuổi
Nghề-nghiệp:	Giám-thị Dưỡng-Trí-Đường Biên-Hòa
Cư-trú tại:	Bình-Trước (Biên-Hòa)
Ngày khai:	/
Người chứng thứ nhất:	Nguyễn-văn-Qua
(Tên, họ)	
Tuổi:	28 tuổi
Nghề-nghiệp:	Giám-thị Dưỡng-Trí-đường Biên-Hòa
Cư-trú tại:	Bình-Trước (Biên-Hòa)
Người chứng thứ nhì:	Thái-văn-Bạc
(Tên, họ)	
Tuổi:	29 tuổi
Nghề-nghiệp:	Giám-thị Dưỡng-Trí-Đường Biên-Hòa
Cư-trú tại:	Bình-Trước (Biên-Hòa)

TỈNH BIÊN-HÒA
Huyện Bình-Trước
Xã Bình-Trước



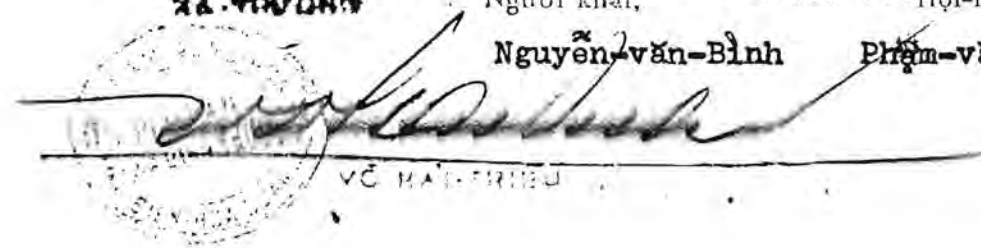
NGUYỄN VĂN BÌNH

Tên khai: Nguyễn Văn Bình

Chữ ký: [Signature]

NGUYỄN VĂN QUẢ

Kiểm tra: [Signature]
Lập tại Xã Biên-Hòa, ngày 7 tháng chín 1950
Người khai: Nguyễn-văn-Bình Phạm-văn-Thanh Nguyễn-văn-Qua
Hội-lai: Bình-trước Thái-văn-Bạc





TÊN HO ẤU NHI	HLAN NGOC THAO
Phái	Nữ
Sanh	Mười bốn tháng mười hai dương lịch;
(Ngày, tháng, năm)	một ngàn chín trăm bảy mươi
Tại	Bảo Anham Phường Lộc Bình
Cha	HLAN THUẬN
(Tên họ)	Ba mươi một tuổi
Tuổi	Quân nhân
Nghề-nghiep	Bình Trước Bình Hòa
Cư-trú tại	NGUYỄN NGOC TIEM
Mẹ	Hai mươi tuổi
(Tên họ)	Nội trợ
Tuổi	Bình Trước Bình Hòa
Nghề-nghiep	Chánh
Cư-trú tại	Cao thị Ba
Vợ chánh hay thứ	Bau mươi một tuổi
Người khai	Nữ hộ sinh
(Tên họ)	Bình Trước
Tuổi	Mười bốn tháng mười hai năm 1970
Nghề-nghiep	18 thanh Lang
Cư-trú tại	Bau mươi một tuổi
Ngày khai	Thượng bái
Người chứng thư nhất	Bình Trước
(Tên họ)	18 ngọc Đông
Tuổi	Bau mươi hai tuổi
Nghề-nghiep	Thượng bái
Cư-trú tại	Bình Trước
Người chứng thư nhì	
(Tên họ)	
Tuổi	
Nghề-nghiep	
Cư-trú tại	

Làm tại Xã Bình Trước ngày 18 tháng mười hai năm 1970

NGƯỜI KHAI

HỘ TỊCH

NHÂN CHỨNG

Cao thị Ba

Nguyễn Văn Chức

18 thanh Lang

18 ngọc Đông

Handwritten signatures and stamps, including a circular official seal.

MỸ SỞ 4260 UNV/HQ 28 ngày 18/12/70

MIỀN THỊ TRÚC

KHAI SANH

Số hiệu 819



Ku nhi:	(Họ, tên) PHAN - THANH
Phái:	Nam
Sinh:	(Ngày tháng năm) Mười lăm, tháng hai dương-lịch, một ngàn chín trăm bảy mươi hai
Tại:	Đảo-sanh Phước-Lộc Biên-Hòa
Cha:	(Họ, tên) PHAN - THUẬN
Tuổi:	Ba mươi ba tuổi
Nghề nghiệp:	Quân - nhân
Cư trú tại:	Bình-Trước Biên-Hòa
Mẹ:	(Họ, tên) NGUYỄN-NGOC-TRÂM
Tuổi:	Hai mươi hai tuổi
Nghề nghiệp:	Nội - trợ
Cư trú tại:	Bình-Trước, Biên-Hòa
Vợ:	Chánh
Người khai:	(Họ, tên) Nguyễn-Văn-Bầu
Tuổi:	Hai mươi tám tuổi
Nghề nghiệp:	Quân - nhân
Cư trú tại:	Bình - Trước
Ngày khai:	Mười chín tháng hai năm 1972
Người chứng thứ nhất:	(Họ, tên) Trương-Văn-Thước
Tuổi:	Ba mươi bốn tuổi
Nghề nghiệp:	Quân - nhân
Cư trú tại:	KEC. 4.552
Người chứng thứ nhì:	(Họ, tên) Nguyễn-Văn-Mình
Tuổi:	Ba mươi hai tuổi
Nghề nghiệp:	Quân - nhân
Cư trú tại:	KEC. 4.113

Làm tại Bình-Trước, ngày 19 tháng hai năm 1972
 Người khai, Hộ lại, Nhân chứng,

Nguyễn-Văn-Bầu

Nguyễn-Văn-Chước

Trương-Văn-Thước

Nguyễn-Văn-Mình

TRƯỞNG BỘ

Sau

tr

TRƯỞNG BỘ

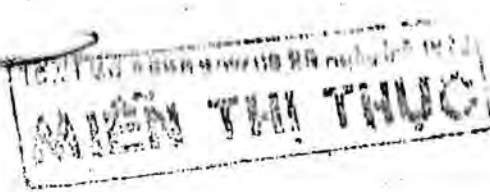
9

tr

TRƯỞNG BỘ

tr

tr



GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Huấn-thị 650 - 401 ngày 1-9-67)

PHẦN I. ĐƠN XIN KẾT HÔN

1 - Tên Quân nhân xin kết hôn : PHAN - THUAN		2 - Cấp bậc : Đại-Ủy TB	3 - Số-quân : 59/137.325
4 - Ngày sinh : 10.01.1939	5 - Gia-cảnh : Độc thân	6 - Thành phần QLVNCH CLQ ☒ ĐPQ ☐	7 - Đơn-vị : BCH/C3/LLDB
8 - Họ tên vị hôn thê (hoặc hôn-phu) NGUYỄN - NGOC - TRÂM		9 - Nghề-nghiep : Tư - chức	
10 - Ngày sinh : 02.09.1950	11 - Gia-cảnh : Độc thân	12 - Địa-chỉ : 61 Cư xá Đường-trị viện Biên Hòa	
13 - Họ tên cha vị hôn thê (hoặc hôn-phu) : NGUYỄN VĂN BÌNH		14 - Họ tên mẹ vị hôn thê (hoặc hôn-phu) : ĐAO KIEM THU	
15 - CAM KẾT : Tôi xin cam-kết hoàn-toàn chịu trách-nhiệm trong trường-hợp người phối-ngẫu của Tôi là Cô (hoặc Ông) NGUYỄN NGOC TRÂM trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương-hại đến nền an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn-thương đến danh-dự của QLVNCH. (Điều 191 Sắc luật số 13/CT/LĐQGQL/SL ngày 20-10-64 bắt buộc vợ người Quân-nhân phải từ bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phương hại cho thanh danh của Quân-đội).			
16 - Làm tại KBC 3452 ngày 03.12.1969		18 - Chữ ký của Quân-nhân xin kết hôn :	
17 - Nơi nhận CHT. KBC 4002/TQT		Đường-sự lý tên <i>Phan Thuan</i>	

PHẦN II. QUYẾT ĐỊNH CỦA GIỚI THỨC CÓ THẨM QUYỀN

19 - Giấy phép kết hôn số : 1242/TTM/TQT/NSV/	4002, ngày 23 tháng 01 năm 1970
20 - QUYẾT ĐỊNH CỦA CẤP CẤP (HUY HỮU - QUYỀN) : Cấp thẩm quyền đơn xin này đã xem và lưu-ý quá-nhà. Được cấp phép kết hôn. - Giấy phép kết hôn này chỉ có giá trị trong phạm vi QLVNCH. - Ngoài những hình-phạt về quân-kỷ, quân-nhân còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật nếu vi-phạm luật Gia-đình (Sắc-luật số : 15/64 ngày 23-7-1964).	
21 - Cấp-bậc, Họ tên, Chức-vụ và chữ ký của giới-thức cấp-phép kết hôn. TL.Đại-Tướng CAO VĂN VIÊN Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH TL.Thiếu-Tướng NGUYỄN VĂN MANH Tham-Mưu-Tướng Liên Quân Thiếu-Tướng NGUYỄN XUÂN TRANG Tham-Mưu-Phó Nhân-viên (ký tên và đóng dấu) 03.01.70 01208	

CHỈ DẪN

PHẦN I. Do quân nhân muốn lập gia-đình diên khuyết (5 bản nếu kết hôn với thường dân 7 bản nếu kết hôn với quân nhân) bằng máy đánh chữ các mục từ 1 đến 17 và ký tên vào mục 18. Nếu không có máy đánh chữ, có thể điền bằng bút mực nhưng phải viết theo lối chữ in. Tất cả các mục phải được ghi đầy đủ và sạch sẽ, nếu không nhân-viên nhận đơn sẽ hoãn trả để thiết lập lại.

- Họ tên (mục 1 và 8) : Ghi đúng theo khai sinh.
- Cấp bậc (mục 2) : Ghi ngạch bằng chữ-tất-tiếp-theo cấp bậc.
(thí dụ : Trung-úy TB - Trung-sĩ HD...) -
- Số quân (mục 3) : Ghi đầy đủ số quân 8 số.
- Gia-cảnh (mục 5 và 11) : Ghi độc thân, góa vợ hoặc ly-dị (không cần ghi số con).
- Thành-phần QLVNCH (mục 6) : Đánh dấu chéo (x) vào ô thích hợp.
- Nghề nghiệp (mục 9) : Ghi cấp bậc, nếu vị hôn thê hoặc hôn phu là quân nhân.
- Địa-chỉ (mục 12) : Phải ghi rõ ràng, để việc điều-tra kết hôn có thể xúc tiến và hoàn tất mau chóng.
- Nơi nhận (mục 17) : Ghi KBC của cơ quan hay đơn-vị có thẩm-quyền cấp phép kết hôn. Đối với đơn xin của Sĩ-quan, chuẩn-úy và quân nhân khác thuộc thẩm-quyền Bộ TTM, ghi KBC của Bộ TTM/Phòng TQT : 40.02/TQT.

PHẦN II. Dành cho cơ quan hoặc đơn-vị có thẩm quyền cấp phép kết hôn.

SAO GÓI :

- BCH/C3/LLDB '2 bản'
- Để tổng đạt cho Sĩ-quan đường sự
- BTL/LLDB/PTQT (HSP)
- Để gửi... ba'
- Để tùy nghi

- Hồ sơ
- Lưu chiếu.

VIỆT NAM CÔNG HOA

BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ TỔNG THAM MUU

QUAN LỰC VIỆT NAM CÔNG HOA

LỰC LƯỢNG ĐẶC BIỆT

PHÒNG TỔNG QUẢN TRỊ

Số: 031165/LLDB/TQT

KBC.3420, ngày 30 JAN 1970

TL. Chuẩn-Tướng PHẠM-VĂN-PHÚ

Tư-Lệnh Lực-Lượng Đặc-Biệt

Trung-Tá HUỖNH-VĂN-THOM

Tham-Lưu-Trưởng

Chom

VIỆT-NAM CÔNG-HOA

TỈNH VINH-LONG

MIỀN LÊ PHÍ
HỒ SƠ QUÂN SỰ

BỘ ĐỜI

BỘ SAO LỤC HÔN THỦ NAM 1970 bậc nhất

LANG THIÊN-MỸ

Số liên 44

Năm Một ngàn chín trăm bảy mươi

va ngày Một tháng tư dương-lịch

Tên PHAN THUẬN

con trai của Phan-Long 57 tuổi

và của Nguyễn-thị-Điền 52 tuổi

sinh tại Thiên-lý

ngày 10 tháng giêng năm 1939

kết hôn ở Xã Thiên-Mỹ Quận Trà-Ôn

Vợ-chánh

với Cô NGUYỄN-GOC-TRAM

con gái của Nguyễn-văn-Bình

va của Đào-kiêm-Thu

sinh ngày hai tháng chín năm 1950

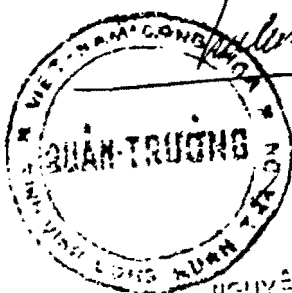
ở Bình-Trước (Biên-Hòa)

Nhận thực cho hợp pháp chữ ký của

C. B. H. C. xã Thiên-Mỹ

TRÀ-ÔN ngày 17 tháng 4 năm 1970

TL QUẢN - TRƯỞNG



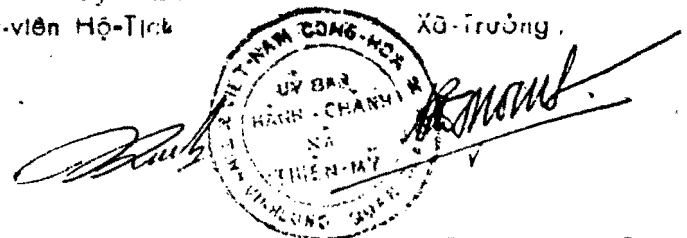
SAO Y BỘ ĐỜI

Tại Thiên-Mỹ ngày 10/4/1970

Ủy Ban Hành-Chánh Xã

Ủy-viên Hộ-Tịch

Xã-Trưởng



HỒ-THỊ KIM-ANH

NGUYỄN-KIM-XƯƠNG

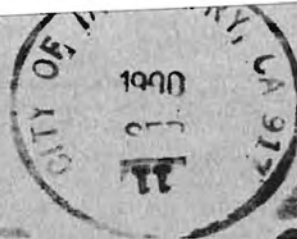
From: Phan Châu

214 Lý tế Trọng-Quân 1
Thịphố Hồchi'Minh
Việt-Nam.

Kính gởi Bà Khúc minh Thảo
PO Box 5435 Arlington
VA 22205-0635

USA ..

From: ^{5/1} 1990 ^{SEP} ^{RPA} ^{NHO VAN}
[Redacted]
Pomona CA 91766



TO: BÀ KHUÊ MINH THO
PO. Box 5435 ARLINGTON
VA 22205-0635

SEP 14 1990

Romona 09- 07. 90

Cháu là em của Bê và Thuận
Hôm Cháu có về Việt Nam anti
Thuận có gửi hồ sơ như cháu
gửi đi = biết thư gửi Chả lui.
Anh Thuận có nói nhớ Bà
Bảo lãnh giùm gia đình anh
và Anh Bê rất cảm ơn Bà
cháu sẽ liên lạc sao với Bà

TRAN NHƯ